

Cơ chế điều hành lãi suất của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và đề xuất các chính sách

TS. NGUYỄN ĐÌNH LUẬN

Trường ĐH Kỹ thuật – Công nghệ TP.HCM

Trong nền kinh tế thị trường, lãi suất giữ vai trò hết sức quan trọng là một trong những đòn bẩy kinh tế. Nó tác động đến tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân nói chung vai trò của lãi suất được thể hiện ở nội dung sau đây: Lãi suất là công cụ để khuyến khích tiết kiệm đầu tư, lãi suất là công cụ khuyến khích lợi ích vật chất để thu hút các khoản tiết kiệm của các chủ thể kinh tế tạo nên quỹ cho vay đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế. Theo lý thuyết tài chính chúng ta có thể đưa ra phương trình về thu nhập như sau $\text{Thu nhập} = \text{Tiêu dùng} + \text{Tiết kiệm}$. Phương trình này không những đúng với đặc điểm tài chính của các hộ gia đình các doanh nghiệp mà còn đúng với cả nền kinh tế quốc gia.

Từ khóa: Kinh tế thị trường, lãi suất, tiết kiệm đầu tư, lý thuyết tài chính.

1. Khái quát chung

Giả sử trong điều kiện của một nền kinh tế bình thường tỷ lệ giữa tiêu dùng và tiết kiệm là hợp lý để tăng tỷ lệ tiết kiệm cho toàn bộ nền kinh tế quốc dân thì biện pháp hiệu quả là tăng lãi suất huy động vốn. Khi lãi suất vốn tăng nên thì trước hết các hộ gia đình phải xem xét các khoản chi cho tiêu dùng thường xuyên có thể giảm chi hoặc hoãn một số khoản chi để tăng thêm khoản tiết kiệm trong tổng thu nhập. Sau từ khoản tiết kiệm này họ sẽ hướng đầu tư gửi vào ngân hàng, vào quỹ bảo hiểm hay đầu tư vào thị trường chứng khoán khi thấy có lợi hơn;

Lãi suất ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp: Chính sách lãi suất là một bộ phận trong chính sách tiền tệ của Nhà

nước nhằm điều tiết lưu thông tiền tệ kích thích điều tiết và hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế. Lãi suất phải trả cho khoản vay là khoản chi phí của doanh nghiệp. Do vậy, lãi suất sẽ khuyến khích các doanh nghiệp vay vốn đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh. Ngược lại, lãi suất cho vay cao sẽ thu hẹp đầu tư của các doanh nghiệp. Lãi suất là công cụ buộc các doanh nghiệp phải sử dụng hiệu quả các nguồn lực. Những ưu đãi về lãi suất về điều kiện cung cấp tín dụng và thanh toán là công cụ của Nhà nước nhằm khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào các ngành các sản phẩm cần ưu tiên trong chiến lược phát triển kinh tế.

Lãi suất là công cụ điều tiết vĩ mô: Lãi suất tạo nên khoản chi

phí của người đi vay vì vậy sự biến động của lãi suất có tác động đến đầu tư đến tiêu dùng qua đó tác động đến các mục tiêu của nền kinh tế vĩ mô biểu hiện trong các trường hợp lãi suất thấp kích thích đầu tư, kích thích tiêu dùng tăng tổng cầu sản lượng tăng, giá tăng, thất nghiệp giảm nội tệ có xu hướng giảm giá so với ngoại tệ. Lãi suất cao hạn chế đầu tư, hạn chế tiêu dùng, giảm tổng cầu, sản lượng giảm, giảm giá, thất nghiệp tăng, nội tệ có xu hướng tăng giá so với ngoại tệ...

Lãi suất tín dụng là công cụ khuyến khích cạnh tranh giữa các ngân hàng thương mại: Trong khung lãi suất cho phép, để tăng khối lượng nguồn vốn huy động đồng thời để mở rộng quan hệ tín dụng với khách hàng, các NHTM

có thể nâng mức lãi suất tiền gửi và hạ lãi suất cho vay. Đây chính là hoạt động cạnh tranh giữa các NHTM. Thực chất của quá trình này là phân chia khối lượng tiền gửi và mở rộng phạm vi ảnh hưởng của ngân hàng ra thị trường. Để đảm bảo cạnh tranh thắng lợi, mỗi NHTM đều có chiến lược khách hàng của mình. Chiến lược này được thực hiện bằng lãi suất ưu đãi. Muốn vậy các NHTM đều tìm mọi biện pháp giảm thấp chi phí kinh doanh và chi phí quản lý. Sự cạnh tranh lành mạnh giữa các NHTM sẽ tạo ra lợi ích kinh tế chung cho toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Lãi suất là công cụ đo lường tình trạng của nền kinh tế. Người ta thấy rằng trong giai đoạn phát triển của nền kinh tế lãi suất có xu hướng tăng do cung cầu quỹ cho vay đều tăng trong đó tốc độ tăng của cầu quỹ cho vay lớn hơn tốc độ tăng của cung quỹ cho vay. Ngược lại, trong giai đoạn suy thoái của nền kinh tế lãi suất lại có xu hướng giảm xuống. Do vậy, thông thường nhìn vào xu hướng biến động của lãi suất ta thấy được tình trạng sức khỏe của nền kinh tế. Lãi suất là biến số thường xuyên thay đổi trong nền kinh tế. Căn cứ vào sự biến động đó của lãi suất người ta có thể dự báo được các yếu tố khác của nền kinh tế như tính sinh lời của các cơ hội đầu tư, mức lạm phát dự tính mức thiếu hụt của ngân sách người ta có thể dựa vào lãi suất trong một thời kỳ để dự báo tình hình kinh tế trong tương lai...

Lãi suất bị tác động bởi nhiều nhân tố như: mức cung cầu tiền tệ; lạm phát; sự ổn định của nền kinh tế; các chính sách của Nhà nước. nghĩa là bị ảnh hưởng bởi vô số các yếu tố bên trong và bên ngoài, trong đó không thể không nói đến yếu tố

tâm lý của các bên hữu quan...

2. Tổng quát sự điều hành lãi suất của Ngân hàng Nhà nước

Từ khi có Nghị quyết 13/NQ-CP ngày 10/5/2012 của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành nhiều thông tư liên quan đến lãi suất. cụ thể thông tư số 19/2012/TT-NHNN và Thông tư số 20/2012/TT-NHNN, trong đó, quy định lãi suất huy động tối đa bằng VND có kỳ hạn dưới 12 tháng là 9%/năm, lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với 4 lĩnh vực ưu tiên là 13%/năm. Tiếp đó, ngày 09/7/2012, tại Thông báo 198/TB-NHNN, Ngân hàng Nhà nước yêu cầu các tổ chức tín dụng đánh giá, rà soát dư nợ các khoản cho vay cũ, trên cơ sở khả năng tài chính, xem xét điều chỉnh giảm lãi suất về mức tối đa 15%/năm để giúp các doanh nghiệp và hộ dân vượt qua khó khăn, duy trì ổn định và từng bước phát triển sản xuất kinh doanh. Hiện nay, lãi suất cho vay phổ biến tại các tổ chức tín dụng đối với khách hàng thuộc 4 lĩnh vực ưu tiên từ 10 - 12%/năm; lãi suất cho vay tối đa đối với doanh nghiệp và hộ dân chỉ từ 15%/năm trở xuống. và từ ngày 26/3, trần lãi suất tiền gửi VND các kỳ hạn ngắn từ 1 tháng đến dưới 12 tháng giảm từ 8% một năm còn 7,5% một năm. Trong khi đó, các kỳ hạn từ 12 tháng vẫn tiếp tục theo cơ chế thỏa thuận giữa ngân hàng và khách hàng. Cơ quan quản lý cũng giảm 1% đối với một vài lãi suất điều hành khác như lãi suất tái cấp vốn, lãi suất tái chiết khấu, lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng. Cụ thể, lãi suất tái cấp vốn giảm từ 9% xuống 8% một năm trong khi lãi suất tái chiết khấu giảm từ 7% xuống 6% một năm. Lãi suất cho vay qua

đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ còn 9% một năm.

Cơ sở để hạ lãi suất lần này được nhiều chuyên gia cho là chỉ số CPI cả nước tăng âm 0,19% lần đầu tiên trong 9 tháng. Bên cạnh đó, tín dụng vẫn chưa được khơi thông mặc dù trong năm 2012, Ngân hàng Nhà nước đã liên tục 6 lần điều chỉnh lãi suất.

Việc lãi suất huy động giảm là cơ sở để lãi suất cho vay hạ, giảm chi phí vốn cho các doanh nghiệp. Trước đó ngày 22/3, tại Hội nghị tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp Hà Nội, đề nghị giảm tiếp lãi suất cũng được đưa ra để giúp doanh nghiệp thêm sức khỏe trụ vững trong bối cảnh kinh tế còn nhiều khó khăn. Đây cũng là lần đầu tiên sau nhiều năm Ngân hàng Nhà nước có bước điều chỉnh giảm lãi suất 0,5% thay vì 1%.

Đáng chú ý trong đợt giảm LS lần này, một số ngân hàng đã giảm sâu các kỳ hạn từ 9-11 tháng. Cụ thể, tại Ngân hàng Đông Á (DongABank), LS huy động trả lãi tháng cho kỳ hạn 9 tháng có mức LS 7,32%, 10 tháng 7,30%, 11 tháng 7,27%... Tương tự, ở Ngân hàng Kỹ thương (Techcombank) là 7,26%, 7,24% và 7,22%...

Thậm chí, trước khi có quyết định của NHNN, nhiều ngân hàng thương mại (NHTM) chủ động hạ lãi suất huy động. Cụ thể, từ 20-3, Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN (Vietcombank) giảm 0,5%/năm LS huy động ở các kỳ hạn 1, 2 và 3 tháng còn 7,5%/năm. Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) cũng cho biết, từ 14-3, lãi suất tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 6 tháng với hình thức lĩnh lãi cuối kỳ của ngân hàng này giảm xuống 7,8%/năm. Ngân hàng



TMCP Sài Gòn (SCB) giảm lãi suất huy động các kỳ hạn từ 1 tháng đến 11 tháng ở mức 7,92%/năm. Nhận định xu hướng hạ lãi suất huy động hiện nay, lãnh đạo ACB cho rằng thanh khoản các NH đang khá dồi dào, huy động vốn vẫn tăng tốt nhưng tín dụng của nền kinh tế tăng chưa tương xứng. Vì vậy, một khi LS đầu vào giảm là tín hiệu tốt để hạ LS cho vay...

Lãi suất huy động giảm là cơ sở để lãi suất cho vay hạ, giảm chi phí vốn cho các doanh nghiệp (DN). Đây cũng là điều mà các DN đang mong muốn. Tuy nhiên, trên thực tế từ chính sách đến cuộc sống vẫn còn một khoảng cách khá xa.

Nhiều nhà quản lý cho rằng đây là thông điệp mà lâu nay giới DN đang mong đợi. Song, khi NHNN hạ trần lãi suất huy động tiền gửi thì các TCTD cũng nên nhanh chóng hạ LS cho vay, bởi lâu nay việc tăng thì rất nhanh, nhưng việc hạ vẫn còn từ từ... Bên cạnh đó, hiện nay có rất nhiều DN gặp khó khăn trong khâu đầu ra của sản phẩm, nên cần có chính sách phù hợp dài hơi hơn để giúp DN thoát hiểm, vượt qua khó khăn, tái sản xuất. Một vấn đề quan trọng nữa mà DN đang chờ đợi là giảm thuế thu nhập DN xuống mức 20% để kích thích sản xuất, tăng sức mua

của xã hội.

Việc giảm trần lãi suất góp phần hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, tuy nhiên, việc này cũng sẽ ảnh hưởng tới lợi nhuận của các TCTD, bởi thực tế, trần lãi suất huy động giảm thấp hơn. Tuy nhiên, đây là việc cần thiết để chia sẻ khó khăn cho DN, từ đó đem lại sự ổn định cho hoạt động ngân hàng khi DN bớt khó khăn hơn. Thời gian qua, các TCTD đã có nhiều cố gắng trong việc giảm lãi suất của những khoản cho vay cũ, cụ thể, trước ngày 31/12/2012, tỷ trọng dư nợ các khoản dư nợ có lãi suất trên 15%/năm chiếm 60% thì nay chỉ còn khoảng 18%. Ngoài ra, năm 2012, các TCTD cũng phải phải trích lập dự phòng rủi ro và trên thực tế, nhiều TCTD đã giảm mạnh lợi nhuận

Lãi suất vay ngân hàng chỉ là một trong các yếu tố tác động tới chi phí đầu vào của DN. Trên thực tế, trước những tín hiệu tích cực của chỉ số giá tiêu dùng và diễn biến kinh tế vĩ mô, từ tháng 3/2012, NHNN đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp để từng bước giảm dần mặt bằng lãi suất cho vay, nhất là đối với các lĩnh vực ưu tiên (nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, DN nhỏ và vừa, công nghiệp hỗ trợ và

doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao). Theo đó, mặt bằng lãi suất huy động VND giảm mạnh từ 3 - 6%/năm, lãi suất cho vay giảm từ 5 - 9%/năm so với đầu năm 2012 (hiện lãi suất cho vay phổ biến đối với các lĩnh vực ưu tiên ở mức 9 - 12%/năm; cho vay lĩnh vực sản xuất - kinh doanh khác và tiêu dùng ở mức 11 - 15%/năm, trong đó, lãi suất cho vay đối với các khách hàng tốt chỉ từ 9 - 11%/năm); thanh khoản của các TCTD đảm bảo và dư thừa, tăng trưởng tín dụng của các TCTD ở mức thấp.

Điều này cho thấy lãi suất không phải là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến khó khăn của DN mà do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân từ những khó khăn chung của kinh tế thế giới và từ những yếu kém nội tại của nền kinh tế nước ta, như: Sức mua của thị trường giảm sút, DN không tiêu thụ được sản phẩm dẫn đến hàng tồn kho lớn và thua lỗ; nhiều DN VN chưa áp dụng khoa học, kỹ thuật, công nghệ và nguồn nhân lực có chất lượng cao vào quá trình sản xuất dẫn đến năng suất lao động thấp, giá thành sản phẩm cao, không có sức cạnh tranh nên không bán được hàng; một bộ phận không nhỏ DN có tình hình tài chính không lành mạnh, hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu lớn, năng

lực quản trị, điều hành yếu...

Do vậy, tuy giảm lãi suất, nhưng tín dụng trong tháng 4 vẫn tăng trưởng vẫn thấp, lãi suất cho vay, theo các doanh nghiệp vẫn còn cao so với khả năng sinh lời của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Nhiều nghiên cứu cho rằng quyết định này không có tác dụng nhiều tới thị trường. Bởi vì giảm 0,5% lãi suất tiền gửi là mức không đáng kể, chỉ mang tính thăm dò. Còn lãi suất cho vay nếu có hạ cũng không giúp được nhiều cho các doanh nghiệp vốn đã khó tiếp cận được vốn. Một chuyên gia Ngân hàng Thế giới nhận xét: Bản thân ngân hàng cũng đang có nợ xấu lớn, doanh nghiệp hàng tồn kho cao, tài sản thế chấp không còn thì sao có thể vay được vốn. “Việc hạ lãi suất chỉ giúp cho ngân hàng giảm chi phí đầu vào chứ người dân bị thiệt và doanh nghiệp cũng không mấy ai vay được vốn thấp.

3. Đề xuất các chính sách

Để tháo gỡ khó khăn, đòi hỏi rất nhiều chính sách không chỉ là việc giảm lãi suất của hệ thống ngân hàng. Các Bộ, Ngành chức năng khác cũng cần tích cực đưa ra các giải pháp đồng bộ và thiết thực hơn để tháo gỡ đúng những khó khăn của DN đang gặp phải, bao gồm chính sách thuế, chính sách tiêu thụ hàng tồn kho

Kiểm soát lạm phát luôn là mục tiêu kiên định của NHNN, nên NHNN xác định không thể chủ quan trong điều hành chính sách tiền tệ. Do vậy, trong điều hành, NHNN hết sức thận trọng, sử dụng đồng bộ các công cụ bên cạnh công cụ lãi suất để điều hành lượng cung ứng tiền một cách linh hoạt qua các kênh, đảm bảo kiểm soát các chỉ tiêu tiền tệ, tín dụng phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô và mục tiêu

chính sách tiền tệ đề ra từ đầu năm

Tiếp tục đổi mới cơ chế điều hành cơ chế lãi suất: Chính sách lãi suất phải đảm bảo Ngân hàng Nhà nước thống nhất quản lý một cách ổn định theo cơ chế định hướng còn các lãi suất cụ thể phải đi cơ chế thị trường trong cơ chế định hướng ấy. Tuy nhiên, nền kinh tế có định hướng xã hội chủ nghĩa, Nhà nước mà cụ thể là Ngân hàng Nhà nước nên làm rõ phân chính sách lãi suất để thực hiện các mục tiêu xã hội như chính sách đối với dân tộc vùng sâu vùng xa, chính sách xoá đói giảm nghèo xong việc đầu tư phải được rạch ròi cũng đã đến lúc phải giao cho Ngân hàng chính sách làm việc này được Ngân hàng xử lý cụ thể, chỉ như là các tổ chức tín dụng mới hoạt động tốt được mà cũng đúng với cơ chế lãi suất thực có của nước ta

Công cụ lãi suất có hai mặt rất nhạy cảm. Tăng lãi suất tiền gửi có lợi cho tiết kiệm bất lợi cho đầu tư và ngược lại. Các nước công nghiệp mới châu Á điều hành công cụ lãi suất trong phát triển kinh tế với các chính sách không giống nhau thậm chí trái ngược nhau. Nhiều nước thực hiện chính sách tự do hoá lãi suất, các nước khác chính phủ lại can thiệp mạnh vào khung lãi suất có nước lại sử dụng chính sách lãi suất thấp như Hàn Quốc, có nước lại thực hiện một chính sách lãi suất cao như Đài Loan. Một chính sách lãi suất cao có sự can thiệp mạnh mẽ của Nhà nước, trong đó Nhà nước ổn định trần lãi suất cho vay. Chính sách lãi suất này về cơ bản được đánh giá tích cực có đóng góp nhất định vào việc kiềm chế lạm phát và huy động tiết kiệm cho đầu tư phát triển trong giai đoạn vừa qua.

Nên hạ mức lãi suất xuống cho

ngang bằng với mức trung bình quốc tế, thực hiện chính sách tự do hoá lãi suất để cho cung cầu thị trường tự thiết lập. Thực tế trong những năm vừa qua cho thấy tại giai đoạn phát triển của VN hiện nay vẫn rất cần có sự can thiệp từ phía Nhà nước và việc hình thành lãi suất vẫn cần duy trì lãi suất tiền gửi ở mức cao hơn so với mức trung bình trên thị trường quốc tế.

Tiếp tục giảm lãi suất cho vay: Các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hiện nay rất cần vay vốn để đầu tư chiều sâu phát triển sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm tăng sức mạnh cạnh tranh của hàng hoá trên thị trường trong nước và xuất khẩu. Thế nhưng, yêu cầu đó gặp khó khăn là lãi suất quá cao so với tỷ suất lợi nhuận trong sản xuất kinh doanh. Vốn nhân rồi trong dân cư còn nhiều nhưng chưa huy động được hết. Muốn tăng sức hấp dẫn đối với dân cư ngoài lãi suất chưa hợp lý còn phải đảm bảo tính ổn định và an toàn của giá trị đồng tiền. Để đạt yêu cầu đó, vấn đề quan trọng nhất là sản xuất kinh doanh phát triển thu chi ngân sách cân đối, tài chính quốc gia lành mạnh và hoạt động của ngân hàng phải có hiệu quả. Xu hướng giảm lãi suất cho vay, lãi suất huy động có tính tích cực nhiều hơn và suy cho cùng hạn chế được rủi ro trong hoạt động tín dụng của ngân hàng thương mại đồng thời tạo được tâm lý ổn định của khách hàng bao gồm cả người gửi và người vay

Nâng cao tính ổn định của lãi suất tín dụng: tiềm lực kinh tế và dự trữ ngoại tệ chưa đạt đến trình độ phát triển nên vấn đề ổn định lãi suất càng chỉ nên đặt ra trong một khoảng thời gian nhất định ít nhất là một năm. Lý do là: sau một năm tỷ lệ lạm phát đã thay đổi đó là căn

cứ để điều chỉnh lãi suất tín dụng. Hơn thế giảm bớt khối lượng hạch toán của các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng ổn định tâm lý khách hàng.

Phân định rõ hơn nữa chức năng xã hội trong hoạt động của các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng theo hướng xoá bỏ triệt để một số chính sách biểu hiện bao cấp qua lãi suất tín dụng: Các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng chỉ làm chức năng kinh doanh tiền tệ theo luật ngân hàng. Chuyên chức xã hội cho các tổ chức tài chính khác nhau, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn... Muốn vậy, cần phải hạn chế và tiến tới xoá bỏ bao cấp của Nhà nước qua lãi suất tín dụng của ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng của Nhà nước. Chừng nào còn tồn tại bao cấp của Nhà nước qua tín dụng thì các ngân hàng thương mại chưa thể thực hiện chức năng tiền tệ theo đúng Luật Ngân hàng. Tính chủ động trong sản xuất kinh doanh của các chủ nhà băng vẫn còn hạn chế hiệu quả hoạt động của ngân hàng không thể hoạch toán rõ được về kinh tế và xã hội. Cần nhanh chóng tạo sân chơi bình đẳng giữa các ngân hàng thương mại quốc doanh với các ngân hàng thương mại cổ phần và ngân hàng thương mại liên doanh với nước ngoài.

Ngân hàng Nhà nước tiếp tục áp dụng cơ chế điều hành lãi suất cơ bản là một giải pháp thích hợp, phù hợp với các mục tiêu kinh tế vĩ mô, cung – cầu vốn thị trường. Việc điều tiết lãi suất thị trường theo hướng ổn định, được thực hiện kết hợp giữa điều tiết khối lượng tiền thông qua các công cụ gián tiếp, điều hành linh hoạt các mức lãi suất chủ đạo và làm tốt công tác

truyền thông. Sự thay đổi cơ chế điều hành lãi suất theo hướng tự do hoá phải trên cơ sở đánh giá một cách khoa học và thực tiễn các điều kiện kinh tế, thị trường tài chính – tiền tệ ở trong và ngoài nước, cũng như các rủi ro có thể xảy ra và các biện pháp xử lý để đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, sự an toàn và phát triển của hệ thống tài chính

Bên cạnh việc điều hành có hiệu quả thị trường liên ngân hàng, NHNN cũng cần mạnh dạn mở rộng thêm kênh tái cấp vốn trực tiếp đến những ngân hàng thương mại đáp ứng được các tiêu chí an toàn, cạnh tranh lành mạnh, kinh doanh có hiệu quả và có trách nhiệm với cộng đồng, thông qua đó góp phần động viên các nỗ lực tham gia bình ổn thị trường vốn và lãi suất

4. Kết luận

Việc nghiên cứu để có một chính sách lãi suất cho phù hợp là vô cùng cần thiết để xây dựng nền kinh tế. Trên thực tế, trong suốt thời gian qua chúng ta đã không ngừng thay đổi cơ chế điều hành lãi suất cho phù hợp, nhất là từ năm 1996 đến nay.

Thực tế cho thấy không thể quy định lãi suất một cách cứng nhắc theo kiểu hành chính gò bó áp đặt. Thị trường tiền tệ luôn luôn rất sôi động, do đó việc tự do lãi suất là một quy luật tất yếu và có như vậy lãi suất mới trở thành đòn bẩy trong nền kinh tế. Mức chênh lệch lãi suất cho vay và lãi suất huy động vốn không nên bị khống chế quá chặt chẽ, cứng nhắc mà nên điều chỉnh phụ thuộc vào thị trường và hiệu quả kinh doanh của từng tổ chức tín dụng. Tuy nhiên, không vì thế mà thả nổi lãi suất mà phải có các chính sách lãi suất cụ thể cho các tổ chức tín dụng. Như vậy, các tổ chức tín dụng mới có

thể hoạt động được trong một môi trường cạnh tranh lành mạnh đảm bảo hoạt động hiệu quả phục vụ cho khách hàng và nền kinh tế.

Công cụ lãi suất là một công cụ rất nhạy cảm và có tác động rất lớn đến nền kinh tế, do đó NHNN phải thận trọng khi đưa ra các quyết định liên quan đến chính sách lãi suất, đồng thời phải đưa ra các biện pháp kịp thời, chính xác để can thiệp nhằm giữ ổn định cho thị trường. Hiện nay chúng ta đang thực hiện cơ chế lãi suất là cơ chế mang tính chỉ đạo, chứ không phải tự do vận động theo nhu cầu thị trường, nên lãi suất phải căn cứ trên cung cầu của thị trường tiền tệ, chính sách này về cơ bản có thể giúp chúng ta kiềm chế được lạm phát nhưng nó khiến cho chính sách lãi suất khá cứng nhắc, đôi khi gây khó khăn cho việc huy động vốn. Đồng thời cũng phải thấy rằng nếu như trong chống lạm phát, công cụ lãi suất có thể phát huy hiệu quả là một cái phanh hãm lại nền kinh tế đi quá nhanh, mang lại hiệu quả tức thời thì trong chống suy thoái kinh tế nó lại không mang đến hiệu quả ngay như chống lạm phát. Vì vậy, phải nhìn nhận chính sách lãi suất là một trong những chính sách tiền tệ chung và phải kết hợp chặt chẽ, nhịp nhàng với các chính sách tiền tệ khác ●

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Báo cáo tài chính của các ngân hàng thương mại năm 2012 và Quý 1/2013.
- N. Gregory Mankiw, *Kinh tế vĩ mô*, NXB Thống kê,
- Tư liệu về ngân hàng thương mại của Trường ĐH Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.